

**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chung  
Việt Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ đã được soát xét

Ngày 30 tháng 6 năm 2014



---

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 3
Báo cáo của Ban Điều hành	4
Báo cáo về kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	5 - 8
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	9 - 11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	13 - 14
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	15 - 85

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam ("Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Ngân hàng được thành lập ngày 1 tháng 10 năm 2013 từ việc hợp nhất Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam ("PVFC") và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây ("WTB") theo Quyết định số 2018/2013/QĐ-NHNN ngày 12 tháng 9 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN"), trong đó:

- ▶ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam tiền thân là Công ty Tài chính Dầu khí – là thành viên 100% vốn Nhà nước thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được cổ phần hóa theo Quyết định số 3002/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 8 năm 2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc "Phê duyệt phương án và chuyển Công ty Tài chính Dầu khí thành Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam". PVFC chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức là công ty cổ phần từ ngày 18 tháng 3 năm 2008 theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0103023045 ngày 18 tháng 3 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động số 72/2008/GP-NHNN ngày 18 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ NHNN. Từ đó đến ngày 30 tháng 9 năm 2013, PVFC hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101057919 điều chỉnh lần thứ 11 ngày 6 tháng 7 năm 2012.
- ▶ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 0016/NH-GP do Thủ tướng Chính phủ NHNN cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 1992 và Giấy phép thành lập công ty số 124/NH-ĐKKD do Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ cấp vào ngày 28 tháng 4 năm 1992 và được chấp thuận chuyển đổi từ ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn thành ngân hàng thương mại cổ phần theo Quyết định số 1199/QĐ-NHNN do Thủ tướng Chính phủ NHNN cấp vào ngày 5 tháng 6 năm 2007 và đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây theo Quyết định số 1048/QĐ-NHNN do Thủ tướng Chính phủ NHNN cấp vào ngày 28 tháng 4 năm 2010.

Từ ngày 1 tháng 10 năm 2013, PVFC và WTB chính thức chấm dứt hoạt động và chuyển giao toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam. Hiện nay, Ngân hàng đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101057919 ngày 1 tháng 10 năm 2013.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung ứng các dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

### Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại 22 Ngõ Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Vào thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, ba mươi tư (34) chi nhánh, sáu mươi bảy (67) phòng giao dịch và bốn (4) quỹ tiết kiệm trên khắp cả nước.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

## THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

### NGÂN HÀNG (tiếp theo)

#### Công ty con

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Ngân hàng có năm (5) công ty con như sau:

STT	Tên công ty	Giấy phép đăng ký kinh doanh	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ % sở hữu của Ngân hàng
1	Công ty Cổ phần Mỹ Khê Việt Nam	4300402211 cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi	Du lịch	99,95%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) (*)	0103014903 cấp lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Chứng khoán	40,96%
3	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí (PVFC Capital) (*)	23/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Quản lý quỹ	47,00%
4	Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam (AMC)	1800805372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu vào ngày 21 tháng 2 năm 2009	Quản lý tài sản	100%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Láng Hạ	0101967509 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 10 năm 2011	Bất động sản	94,00% (Sở hữu gián tiếp qua AMC)

(\*) Ngân hàng nắm giữ quyền kiểm soát chi phối các chính sách hoạt động và tài chính của PSI và PVFC Capital.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Đình Lâm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Ông Vũ Huy An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Ông Trịnh Hữu Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Ông Đoàn Minh Mẫn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Ông Nguyễn Khuyển Nguồn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Ông Võ Trọng Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

## THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hải An	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Bà Bùi Thu Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Bà Đào Kim Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Hương Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2014

### BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Điều hành và Kế toán Trưởng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thiện Bảo	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Bà Nguyễn Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Dương Xuân Quang	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Ngô Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Phạm Huy Tuyên	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Nguyễn Việt Hà	Giám đốc phụ trách khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Đoàn Đức Minh	Giám đốc phụ trách khối KHCN kiêm Phó Ban Chiến lược	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Bà Võ Thị Hoàng Yến	Phó Giám đốc phụ trách khối QTNNL	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Đặng Thế Hiển	Kế toán Trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Đình Lâm, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Hoàng Linh, Phó Tổng Giám đốc được ông Nguyễn Đình Lâm, Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền ký báo cáo tài chính của Ngân hàng theo Điều lệ Hoạt động của Ngân hàng.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và các công ty con ("PVcomBank") tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của PVcomBank cho từng giai đoạn tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Điều hành của Ngân hàng cần phải:

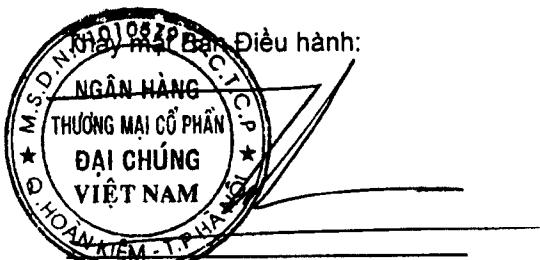
- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho PVcomBank có được tuân thủ hay không và tắt cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng PVcomBank sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của PVcomBank, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Điều hành của Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của PVcomBank và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành của Ngân hàng cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014.

### CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành của Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của PVcomBank vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Ông Nguyễn Hoàng Linh  
Phó Tổng Giám đốc



Ernst & Young Vietnam Limited  
8th Floor, CornerStone Building  
16 Phan Chu Trinh Street  
Hoan Kiem District  
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100  
Fax: + 84 4 3831 5090  
ey.com

Số tham chiếu: 61064100/30062014/EY/PVcomBank

## BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam và các công ty con (sau đây gọi tắt là "PVcomBank") được trình bày từ trang 9 đến trang 85, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo về kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Ngân hàng và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 - Ứng trước cho khách hàng, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 PVcomBank có một số hợp đồng ủy thác đầu tư trả chậm và ứng trước ủy quyền bán đã đến hạn thanh toán nhưng các nhà đầu tư không nhận lại danh mục đầu tư và chưa hoàn trả số tiền đã nhận ứng trước là 581.268.930.631 đồng và phí ứng trước là 116.000.083.566 đồng (Thuyết minh số 17 - Các khoản lãi, phí phải thu). PVcomBank đã trích lập dự phòng với số tiền là 267.139.867.428 đồng cho toàn bộ khoản phí ứng trước và một phần giá trị khoản ứng trước cho khách hàng nêu trên. Đồng thời, PVcomBank đã ký kết hợp đồng bán danh mục đầu tư tương ứng của các khoản ứng trước này. Tuy nhiên, do hợp đồng bán danh mục đầu tư này vẫn đang trong quá trình thực hiện và sẽ chỉ được hoàn tất vào năm 2015 theo như thỏa thuận trong hợp đồng hiện tại nên chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định giá trị có thể được thu hồi từ hợp đồng này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu số dự phòng đã trích lập đối với khoản ứng trước cho khách hàng và phí ứng trước nói trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 có cần được điều chỉnh hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 11.1 – Phân tích chất lượng nợ cho vay, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, PVcomBank có một số khách hàng vay cần được chuyển sang nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo các quy định về phân loại nợ đang được áp dụng tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Dựa trên kết quả rà soát danh mục cho vay của PVcomBank theo phương pháp chọn mẫu, nếu PVcomBank thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng theo đúng các quy định này thì tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, số dư dự phòng rủi ro tín dụng sẽ tăng lên 18.209.809.778 đồng, số dư dự thu sẽ giảm đi 216.089.231.874 đồng, và vốn chủ sở hữu sẽ giảm đi 182.818.772.488 đồng. Đồng thời, lợi nhuận sau thuế cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Ngân hàng sẽ giảm đi 27.025.433.128 đồng. Như trình bày tại Thuyết minh số 15.2 – Góp vốn

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (tiếp theo)**

3. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Ngân hàng có khoản đầu tư vào một công ty con là Công ty Cổ phần Mỹ Khê Việt Nam ("Mỹ Khê") với giá gốc 210.000.000.000 đồng. Mỹ Khê chưa trích lập dự phòng đầy đủ cho một số khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014. Khi hợp nhất báo cáo của Mỹ Khê tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, PVcomBank chưa trích lập dự phòng bổ sung cho các khoản đầu tư tài chính này. Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá giá trị có thể thu hồi và dự phòng cần phải trích lập cho các khoản đầu tư tài chính nói trên của Mỹ Khê cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.
4. Như trình bày tại Thuyết minh số 17.2 – Các khoản phải thu, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, PVcomBank đang ghi nhận các chi phí từ ván phát sinh trong năm 2008 liên quan đến việc niêm yết cổ phiếu của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam trên sàn chứng khoán Singapore với tổng giá trị là 13.342.954.106 đồng. PVcomBank chưa hoàn thành thủ tục quyết toán với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và chưa ghi nhận các chi phí này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của PVcomBank tại thời điểm phát sinh. Nếu được ghi nhận, khoản mục này làm giảm vốn chủ sở hữu của PVcomBank tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 một khoản là 10.407.504.203 đồng.
5. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, PVcomBank đang ghi nhận một số khoản lãi và phí phải thu với tổng giá trị là 273.424.284.181 đồng chưa được thanh toán khi đến hạn. Theo Thông tư số 05/2013/TT-BTC về hướng dẫn chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hiệu lực từ ngày 25 tháng 2 năm 2013, các khoản doanh thu không thu được khi đến hạn cần phải được thoái thu hoặc ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trong trường hợp PVcomBank hạch toán dự thu tuân thủ Thông tư số 05/2013/TT-BTC, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, số dư lãi phí phải thu sẽ giảm đi 273.424.284.181 đồng và vốn chủ sở hữu sẽ giảm đi là 213.270.941.661 đồng. Như trình bày tại Thuyết minh số 15.2 – Góp vốn đầu tư dài hạn khác, cho đến ngày 25 tháng 9 năm 2014, PVcomBank đã bán xong khoản góp vốn đầu tư dài hạn vào Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí và đã sử dụng khoản lợi nhuận 350.236.121.834 đồng thu được để thực hiện bù đắp ảnh hưởng của vấn đề nêu trên.

**Kết luận ngoại trừ**

Dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của PVcomBank vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Tài khoản Kế toán các Tổ chức Tín dụng và tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

1. Như trình bày tại Thuyết minh số 13.1 – Dự phòng rủi ro cho vay và ứng trước cho khách hàng, căn cứ vào văn bản chỉ đạo của cơ quan quản lý Nhà nước về xem xét khoanh nợ, cơ cấu lại các khoản nợ của Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin, nay là Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy - SBIC) và Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam (Vinalines), tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, PVcomBank đã giữ nguyên trạng thái nợ đối với các khoản nợ đã cấp cho các đơn vị của SBIC từ năm 2009 và của Vinalines từ năm 2011 với tổng dư nợ là 2.460.405.271.093 đồng. Các khoản nợ này bao gồm khoản nợ của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam (Falcon) và Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin (Vinashinlines) là hai công ty thuộc đối tượng sẽ thực hiện phá sản doanh nghiệp theo Thông báo số 243/TB-VPCP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Văn phòng Chính phủ liên quan đến việc triển khai Đề án tái cơ cấu của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2014, PVcomBank đã trích lập dự phòng cho các khoản dư nợ nêu trên là 64.223.901.948 đồng dựa vào khả năng tài chính của PVcomBank theo các văn bản hướng dẫn chỉ đạo của cơ quan quản lý Nhà nước.
2. Như trình bày tại Thuyết minh số 11.1 - Phân tích chất lượng nợ cho vay, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, PVcomBank có một số khách hàng vay hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực bất động sản và vận tải biển (bao gồm SBIC và Vinalines) với tổng dư nợ lần lượt là 3.120.442.483.808 đồng và 6.830.338.731.238 đồng đang được phân loại theo kết quả phân loại nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 theo Đề án hợp nhất đã được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt. Do đó, mặc dù một số khoản nợ của các khách hàng nêu trên cần được chuyển sang nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo các quy định hiện tại về phân loại nợ, PVcomBank không thực hiện phân loại lại nhóm nợ, không trích lập dự phòng bổ sung và không thoái thu số lãi dự thu tương ứng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.
3. Như trình bày tại Thuyết minh số 14.1 – Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và Thuyết minh số 14.2 – Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, PVcomBank có một số khoản nợ gốc và lãi đang bị quá hạn. Cho đến ngày 25 tháng 9 năm 2014, PVcomBank đã chấp thuận chủ trương tái cơ cấu nợ đối với các khách hàng nêu trên và đang trong quá trình hoàn chỉnh và xúc tiến phương án thực hiện chủ trương này. PVcomBank đánh giá PVcomBank hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi của các khoản mục trên. Do đó, PVcomBank không thực hiện phân loại lại nhóm nợ, trích lập dự phòng bổ sung và thoái thu số dự thu tương ứng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.
4. Như trình bày tại Thuyết minh số 17.4 - Tài sản có khác, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, số dư các hợp đồng ủy thác đầu tư nhận lãi suất cố định bao gồm một số hợp đồng đã được gia hạn với tổng giá trị là 490.000.000.000 đồng. PVcomBank đang áp dụng Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giám giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp ("Thông tư 228") để tính và trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản mục này. Do Thông tư 228 không có quy định cụ thể về cách lập dự phòng cho các khoản phải thu trong trường hợp có gia hạn thanh toán, PVcomBank phân loại các khoản phải thu liên quan đến các hợp đồng ủy thác đầu tư nói trên vào nhóm chưa quá hạn và không trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản này.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề trên.

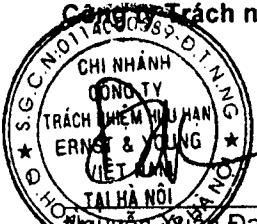


Building a better  
working world

### Vấn đề khác

Ngày 1 tháng 10 năm 2013, PVcomBank chính thức được thành lập từ việc hợp nhất Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây, do đó báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 không có thông tin so sánh.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đặng Phương Hà  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 9 năm 2014

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

B02a/TCTD-HN

## BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

	<i>Thuyết minh</i>	30/6/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
<b>TÀI SẢN</b>			
Tiền mặt	6	<b>121.004.388.448</b>	<b>73.514.886.614</b>
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	7	<b>2.925.681.172.225</b>	<b>2.581.785.517.941</b>
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	8	<b>9.262.961.936.762</b>	<b>11.385.535.115.291</b>
Tiền gửi tại các TCTD khác		5.808.558.507.896	5.462.527.986.425
Cho vay các TCTD khác		3.488.337.369.135	5.967.765.369.135
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		(33.933.940.269)	(44.758.240.269)
Chứng khoán kinh doanh	9	<b>203.044.032.624</b>	<b>209.441.729.514</b>
Chứng khoán kinh doanh		310.571.329.711	313.563.502.346
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(107.527.297.087)	(104.121.772.832)
Các công cụ tài chính phải sinh và các tài sản tài chính khác	10	<b>7.099.730.000</b>	<b>5.241.550.000</b>
Cho vay và ứng trước cho khách hàng		<b>37.012.015.719.001</b>	<b>40.359.696.887.256</b>
Cho vay khách hàng	11	37.725.076.533.254	41.126.410.818.954
Ứng trước cho khách hàng	12	661.099.200.631	661.099.200.631
Dự phòng rủi ro cho vay và ứng trước cho khách hàng	13	(1.374.160.014.884)	(1.427.813.132.329)
Chứng khoán đầu tư	14	<b>13.628.368.059.187</b>	<b>14.049.390.264.546</b>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	14.1	9.950.287.026.767	11.336.619.425.803
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	14.2	3.828.460.474.689	2.885.592.732.011
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(150.379.442.269)	(172.821.893.268)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	15	<b>2.429.088.363.098</b>	<b>2.432.464.539.258</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	15.1	1.500.000.000	1.500.000.000
Đầu tư góp vốn dài hạn khác	15.2	2.481.696.689.197	2.468.788.855.597
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(54.108.326.099)	(37.824.316.339)
Tài sản cố định	16	<b>611.912.606.414</b>	<b>646.200.553.934</b>
Tài sản cố định hữu hình	16.1	360.989.089.170	385.843.088.930
<i>Nguyên giá tài sản cố định</i>		601.140.170.983	596.656.031.961
<i>Hao mòn tài sản cố định</i>		(240.151.081.813)	(210.812.943.031)
Tài sản cố định vô hình	16.2	250.923.517.244	260.357.465.004
<i>Nguyên giá tài sản cố định</i>		313.010.462.641	312.246.716.401
<i>Hao mòn tài sản cố định</i>		(62.086.945.397)	(51.889.251.397)
Tài sản có khác	17	<b>28.582.462.639.841</b>	<b>29.381.012.659.006</b>
Các khoản phải thu		8.986.767.047.119	9.165.160.266.867
Các khoản lãi, phí phải thu		7.145.850.838.294	6.449.889.043.352
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		33.711.837.500	38.308.906.250
Tài sản có khác	22.2	12.809.529.128.184	14.172.802.140.149
- Trong đó: Lợi thế thương mại		950.283.592.959	951.115.857.916
Dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác		(393.396.211.256)	(445.147.697.612)
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>94.783.638.647.600</b>	<b>101.124.283.703.360</b>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

B02a/TCTD-HN

BÀNG CÂN ĐỐI KÉ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

	<i>Thuyết minh</i>	<i>30/6/2014 VNĐ</i>	<i>31/12/2013 VNĐ</i>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Tiền gửi và vay các TCTD khác	18	<b>13.782.050.230.871</b>	<b>19.094.521.806.455</b>
Tiền gửi của các TCTD khác		5.843.984.224.354	7.197.054.278.336
Vay các TCTD khác		7.938.066.006.517	11.897.467.528.119
Tiền gửi của khách hàng	19	<b>55.644.606.602.814</b>	<b>49.091.044.305.149</b>
Vốn nhận tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	20	<b>39.209.904.337</b>	<b>4.455.753.063.766</b>
Phát hành giấy tờ có giá		<b>20.124.600</b>	<b>26.103.600</b>
Các khoản nợ khác		<b>15.347.794.743.585</b>	<b>18.528.270.320.204</b>
Các khoản lãi, phí phải trả		732.482.788.634	1.084.270.463.973
Các khoản phải trả và công nợ khác	21	14.572.427.377.881	17.407.201.311.747
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	22.3	10.297.764.596	18.448.218.583
Dự phòng rủi ro khác	13.2	32.586.812.474	18.350.325.901
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>84.813.681.606.207</b>	<b>91.169.615.599.174</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
Vốn		<b>8.983.804.196.673</b>	<b>8.985.609.983.647</b>
Vốn điều lệ		9.000.000.000.000	9.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		2.000.000.000	2.000.000.000
Cổ phiếu quỹ		(18.195.803.327)	(16.390.016.353)
Các quỹ dự trữ		<b>542.035.707.630</b>	<b>491.127.926.648</b>
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(8.969.350.663)	-
Lợi nhuận chưa phân phối		<b>75.826.247.801</b>	<b>79.069.975.241</b>
<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	23	<b>9.592.696.801.441</b>	<b>9.555.807.885.536</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>94.406.378.407.648</b>	<b>100.725.423.484.710</b>
Lợi ích cổ đông thiểu số	23	<b>377.260.239.952</b>	<b>398.860.218.650</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>94.783.638.647.600</b>	<b>101.124.283.703.360</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam

B02a/TCTD-HN

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

	<i>Thuyết minh</i>	30/6/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
<b>Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn</b>		<b>4.061.355.973.774</b>	<b>2.164.988.273.597</b>
Cam kết trong nghiệp vụ L/C		651.938.962.244	121.240.599.569
Bảo lãnh		3.409.417.011.530	2.043.747.674.028
<b>Các cam kết đưa ra</b>		<b>2.771.205.815.521</b>	<b>2.763.322.767.187</b>
Cam kết tài trợ cho khách hàng		470.535.315.521	310.187.947.187
Cam kết khác		2.300.670.500.000	2.453.134.820.000
	<b>37</b>	<b>6.832.561.789.295</b>	<b>4.928.311.040.784</b>

Người lập:

Người phê duyệt:

Bà Đào Thị Tuyết Nhung  
Phó phòng  
Phòng Kế toán Tổng hợp

Ông Đặng Thế Hiển  
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Hoàng Linh  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 9 năm 2014

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam

B03a/TCTD-HN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 VNĐ</i>
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	2.001.058.100.712
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	26	(2.149.153.770.330)
<b>Chi phí lãi thuần</b>		<b>(148.095.669.618)</b>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		50.708.698.088
Chi phí hoạt động dịch vụ		(33.487.655.777)
<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>27</b>	<b>17.221.042.311</b>
<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>28</b>	<b>20.321.985.076</b>
<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	<b>29</b>	<b>3.249.371.145</b>
<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>70.451.953.460</b>
Thu nhập từ hoạt động khác		685.306.602.855
Chi phí hoạt động khác		(50.757.958.670)
<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>31</b>	<b>634.548.644.185</b>
<b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	<b>32</b>	<b>17.857.409.008</b>
<b>TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>		<b>615.554.735.567</b>
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>33</b>	<b>(553.519.183.827)</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>62.035.551.740</b>
Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng	8,13	18.736.170.489
<b>TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>80.771.722.229</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành		(4.559.189.031)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		3.553.385.237
<b>Chi phí thuế TNDN</b>		<b>(1.005.803.794)</b>
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>		<b>79.765.918.435</b>
<b>Lợi ích cổ đông thiểu số</b>		<b>11.024.305.418</b>
<b>LỢI NHUẬN CỦA NGÂN HÀNG</b>		<b>68.741.613.017</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		<b>77</b>

Người lập:

Người phê duyệt:

Bà Đào Thị Tuyết Nhung  
Phó phòng  
Phòng Kế toán Tăng bùn

Ông Đặng Thế Hiển  
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Hoàng Linh  
Phó Tổng Giám đốc

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

B04a/TCTD-HN

## BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

<i>Thuyết minh</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 VNĐ</i>
<b>LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	1.304.640.249.839
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(2.508.171.939.031)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	25.625.465.077
Chênh lệch số tiền thực thu/(thực chi) từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, ngoại tệ	74.264.707.594
Thu nhập khác	636.882.965.035
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	31 983.588.624
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(598.796.810.041)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	22 (886.200.501)
<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng trong hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</b>	<b>(1.065.457.973.404)</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>	
Giảm các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	2.922.067.000.004
Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	446.456.828.993
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(1.858.179.999)
Giảm các khoản cho vay khách hàng	3.401.334.285.700
Sử dụng nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản nợ xấu	13.1 (31.504.760.383)
Giảm khác về tài sản hoạt động	1.660.220.013.650
<b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>	
Giảm các khoản tiền gửi và vay các TCTD	(5.312.471.575.584)
Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)	6.553.562.297.665
Giảm phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	(5.979.000)
Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	(4.416.543.159.429)
Giảm khác về công nợ hoạt động	(2.859.570.879.653)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>1.296.227.918.560</b>
<b>LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	
Mua sắm tài sản cố định	(118.127.789.632)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.316.410.407
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(12.907.833.600)
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	13.545.971.859
<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng trong hoạt động đầu tư</b>	<b>(116.173.240.966)</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chung Việt Nam

B04a/TCTD-HN

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Cho giai đoạn  
tài chính sáu tháng  
kết thúc ngày  
Thuyết  
minh 30 tháng 6 năm 2014  
VND

## LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia

Lưu chuyển tiền thuận sử dụng trong hoạt động tài chính

Lưu chuyển tiền thuận trong kỳ

Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ

Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ

Người lập:

Người phê duyệt:

Bà Đào Thị Tuyết Nhung  
Phó phòng  
Phòng Kế toán Tổng hợp

Ông Đặng Thế Hiển  
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Hoàng Linh  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 9 năm 2014